

Số: /BC-STC

Hải Dương, ngày tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường, công tác quản lý giá tháng 4 năm 2023

I. TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

1. Tổng quan tình hình giá cả thị trường

Theo báo cáo giá thị trường của các huyện, thị xã, thành phố, giá cả thị trường hàng hóa và dịch vụ tại Hải Dương tháng 4/2023 có xu hướng tăng. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 4/2023 là 101%, tăng 1,00% so với tháng 3/2023, tăng 4,88% so với cùng kỳ năm 2022. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 07 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước, 03 nhóm hàng giảm giá và 01 nhóm có giá ổn định so với tháng trước, cụ thể: 03 nhóm giảm là nhóm Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,2%; May mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,14%; Bưu chính viễn thông giảm 0,06%. Giá vàng tháng này có biến động tăng, tăng 3,00% so với tháng trước; ngược với giá Vàng, giá Đô la Mỹ tháng này có biến động giảm, giảm 0,87% so với tháng trước. Đây là những yếu tố biến động chính tác động đến tình hình giá cả thị trường chung và chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 4/2023.

Biểu chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4 năm 2023

(theo số liệu của Cục Thống kê Hải Dương)

Mã nhóm hàng	Nhóm hàng	Chỉ số giá so với (%)		
		Tháng trước	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước
	Chỉ số giá chung	101,00	104,88	104,30
I	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	99,80	103,17	99,91
1	Lương thực	100,35	101,26	101,08
2	Thực phẩm	99,67	102,59	99,39
3	Ăn uống ngoài gia đình	100,00	107,22	101,58
II	Đồ uống và thuốc lá	100,05	103,97	100,63
III	May mặc, mũ nón, giày dép	99,86	102,93	100,02

IV	Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	105,49	122,68	123,17
V	Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,11	102,38	100,25
VI	Thuốc và dịch vụ y tế	100,02	100,95	100,20
VII	Giao thông	100,59	94,33	103,41
VIII	Bưu chính viễn thông	99,94	100,49	99,99
IX	Giáo dục	100,00	100,67	100,03
X	Văn hoá, giải trí và du lịch	100,25	101,69	101,07
XI	Hàng hoá và dịch vụ khác	100,82	103,81	101,48
	Vàng 99,99%, kiểu nhẫn tròn	103,00	100,57	104,16
	Đô la Mỹ, loại tờ 50-100 USD	99,13	102,68	97,69

2. Diễn biến một số mặt hàng chủ yếu

2.1. Hàng lương thực

Chỉ số giá nhóm hàng lương thực trong tháng 04/2023 là 100,35%, tăng 0,35% so với tháng 03/2023, tăng 1,26% so với tháng 04/2022.

Nguyên nhân làm cho chỉ số nhóm lương thực tháng này có xu hướng tăng do nhu cầu người dân mua nguyên vật liệu để làm bánh trong ngày lễ Tết Hàn thực cổ truyền của dân tộc tăng và các chi phí vận chuyển, giá xăng tăng.

Giá một số mặt hàng phổ biến như sau: Thóc tẻ thường giá từ 9.000đ/kg - 10.000đ/kg; gạo tẻ thường (Khang dân hoặc tương đương) giá từ 14.300đ/kg - 15.000đ/kg; gạo tẻ ngon (Bắc thơm) giá từ 17.000đ/kg - 19.000đ/kg; gạo nếp cái hoa vàng giá từ 24.800đ/kg – 28.000đ/kg.

Giá cả các mặt hàng lương thực khác giá cả về cơ bản ổn định so với tháng 03/2023.

2.2. Hàng thực phẩm

Chỉ số giá nhóm hàng thực phẩm trong tháng 04/2023 là 99,67%, giảm 0,33% so với tháng 03/2023, tăng 2,59% so với tháng 04/2022.

Nguyên nhân làm cho chỉ số giá nhóm thực phẩm giảm 0,33% so tháng trước là do nguồn cung dồi dào. Giá lợn hơi trong tháng biến động giảm, ở mức 54.000đ/kg - 57.000đ/kg. Do đó, giá của các mặt hàng thịt lợn thành phẩm cũng biến động giảm. Giá cả các mặt hàng phổ biến trong tháng cụ thể như sau: thịt lợn mỡ sấn giá 115.000đ/kg-125.000đ/kg; thịt lợn nạc thăn giá 115.000/kg-

125.000đ/kg; thịt bò thăn, bò bắp (loại 1) giá 275.000đ/kg - 290.000đ/kg; gà ta còn sống giá 110.000đ/kg-130.000đ/kg.

Giá cả các mặt hàng rau xanh, củ quả trong tháng 4/2023 biến động giảm so với tháng 3/2023 do diễn biến thời tiết thuận lợi cho cây sinh trưởng, phát triển, nguồn cung dồi dào. Giá các loại rau trong tháng cụ thể như sau: bắp cải trắng giá 14.000đ/kg - 16.000đ/kg; cà chua giá 16.000đ/kg - 20.000đ/kg; bí xanh giá 18.000đ/kg - 21.000đ/kg;...

Các mặt hàng thực phẩm khô, thực phẩm chế biến giá cả về cơ bản ổn định so với tháng 03/2023.

2.3. Hàng tư liệu sản xuất - vật liệu xây dựng

a) Vật tư phân bón

Giá cả các mặt hàng vật tư phân bón về cơ bản diễn biến ổn định, đảm bảo yêu cầu của sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Xăng, dầu

Giá các mặt hàng xăng, dầu trong tháng 4/2023 được điều chỉnh 03 lần, cụ thể:

- Từ 15h00 ngày 03/4/2023, giá xăng E5-RON 92-II là 22.080đồng/lit, tăng 60 đồng/lit; dầu Diezel 0,05S-II là 19.430 đồng/lit tăng 130 đồng/lit.

- Từ 15h00 ngày 11/4/2023, giá xăng E5-RON 92-II là 23.170đồng/lit, tăng 1.090 đồng/lit; dầu Diezel 0,05S-II là 20.140 đồng/lit tăng 710 đồng/lit.

- Từ 15h00 ngày 21/4/2023, giá xăng E5-RON 92-II là 22.680đồng/lit, tăng 600 đồng/lit; dầu Diezel 0,05S-II là 19.390 đồng/lit giảm 40 đồng/lit.

c) Vật liệu xây dựng

Giá cả các mặt hàng vật liệu xây dựng trong tháng 4/2023 tại Hải Dương biến động tăng ở mặt hàng sắt thép, cát đen đổ nền, ống nhựa,... Giá gas đun giảm. Giá một số mặt hàng phổ biến hiện nay như sau: Thép trơn xây dựng (loại Φ6-8): 17.500đ/kg – 19.200 đ/kg; Cát vàng đổ bê tông: 480.000đ/m³ - 560.000đ/m³; cát đen xây dựng: 190.000đ/m³ - 250.000đ/m³; cát đen san lấp mặt bằng (đổ nền): 170.000đ/m³ - 200.000đ/m³; xi măng đen PCB30 Hoàng Thạch: 90.000đ/bao 50kg.

2.4. Vàng, đô la Mỹ

a) Giá vàng

Giá vàng tháng 4/2023 tăng theo giá vàng thế giới, chỉ số giá vàng tăng 3,00% so tháng trước; tăng 0,57% so với cùng kỳ năm 2022; bình quân 4 tháng năm 2023 tăng 0,77%. Tính đến ngày 23/4/2023, bình quân giá vàng là 5.634

ngàn đồng/1 chỉ và tăng 164 nghìn đồng/1 chỉ so với tháng trước. Hiện nay, giá vàng có giá phổ biến ở mức từ 5.625-5.643 ngàn đồng/chỉ.

b) Đô la Mỹ

Chỉ số giá Đô la Mỹ tháng này giảm 0,87% so với tháng trước; tăng 2,68% so với cùng kỳ năm 2022; bình quân 4 tháng năm 2023 tăng 3,41%. Giá bình quân của Đô la Mỹ loại tờ (50-100USD) tháng này là 2.364.556 đồng/100USD, giảm 20.861 đồng/100USD so với tháng trước. Hiện nay, giá Đô la Mỹ trên thị trường Hải Dương đang có mức giá giao động từ 2.360.000 – 2.370.000 đồng/100USD.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ THÁNG 4 NĂM 2023

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan xác định hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ (trong tháng 4/2023 đã thẩm định 04 hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định).

- Thẩm định giá nhà nước làm cơ sở tổ chức mua sắm tài sản công theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ; Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh Hải Dương (trong tháng 4/2023 đã thẩm định 09 hồ sơ theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị).

- Tiếp nhận hồ sơ kê khai giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo quy định tại Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ.

- Phối hợp với Sở Xây dựng công bố giá các loại VLXD phổ biến tại nơi tiêu thụ tập trung tháng 4 năm 2023 làm cơ sở lập, thẩm tra, điều chỉnh dự toán các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh trong tháng 4 năm 2023.

- Thực hiện các vụ việc về thẩm định giá trong tổ tụng hình sự.

- Xác định giá trị tài sản thanh lý, tài sản không cần dùng của một số cơ quan, đơn vị, tài sản kê biên của các cơ quan pháp luật để bán đấu giá theo quy định; tham mưu, đề xuất phương án điều chuyển tài sản theo nhu cầu sử dụng của các đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

- Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan thẩm định phương án bồi thường GPMB các dự án trên địa bàn tỉnh.

- Thẩm định phương án giá đất cụ thể làm cơ sở tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá đất tái định cư, giao đất có thu tiền không thông qua hình thức đấu giá, đơn giá bồi thường về đất theo quy định.

- Thực hiện quy trình về ban hành Văn bản Quy phạm pháp luật đối với việc bổ sung danh mục và giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà và công trình kiến trúc.

- Tham mưu cho UBND tỉnh trình UBND tỉnh ban hành Nghị quyết về Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023.

- Một số công việc thường xuyên khác./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính);
- Tỉnh uỷ Hải Dương;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Uỷ ban nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Phòng TC- KH các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu: VT, QLG-CS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đồng Kim